

Số: 1302/2024/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1115/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1990; Thường trú: ấp H, xã Q, huyện Ch, tỉnh B; Tạm trú: số C đường Đ, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Tạ Văn D, sinh năm 1989; Thường trú: TDP N, thị trấn P, huyện C, tỉnh Th; Tạm trú: số L Đường số N, khu phố M, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn P), huyện C, tỉnh Th, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01, ngày 08/8/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo Đơn yêu cầu đề ngày 22/8/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/9/2024, bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung, cấp dưỡng: thỏa thuận giao trẻ Tạ Bảo N, sinh ngày 22/01/2014 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D thật sự tự nguyện ly hôn, thống nhất về con chung và tài sản chung, nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01, ngày 08/8/2013 do Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn P), huyện C, tỉnh Th cấp cho bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D một con chung tên Tạ Bảo N, sinh ngày 22/01/2014. Hai bên thoả thuận, bà Phạm Thị Thu Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông Tạ Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó

khẩn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Thu Th và ông Tạ Văn D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Th và ông D đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0014456 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà Th và ông D đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q. Gò Vấp;
- UBND thị trấn P, huyện C, tỉnh Th;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế